TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ - ST
Ngày 21-01-2025
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hải Tăng.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là thôn A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là thôn Q, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị S trình bày: Bà kết hôn với ông Phạm Văn D trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Tân Sơn, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam). Sau khi kết hôn ông bà chung

sống hòa thuận tại nhà bố mẹ đẻ ông D đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D ghen tuông vô cớ nên thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, vì thương các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng và nhiều lần khuyên bảo nhưng ông D vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ cuối năm 2016 ông bà đã li thân nhau mỗi người một nơi không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Văn D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Phạm Văn D, đồng thời nhiều lần triệu tập ông D đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc bà S xin ly hôn ông, nhưng ông D đều cố tình vắng mặt. Tòa án đã đến tận nhà ông D để xác minh và được bà Trần Thị V là mẹ đẻ ông D cung cấp: Ông Phạm Văn D và bà Trần Thị S được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 02/3/1994 tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã xảy ra mâu thuẫn là thực tế, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, bà S muốn đi làm ăn kinh tế xa nhà nhưng ông D không đồng ý nên vợ chồng bất đồng ý kiến nên hay xảy ra cãi nhau, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông D, bà S không nghe. Đến khoảng cuối năm 2016 bà S đã chuyển ra chỗ khác ở riêng một mình, bà có khuyên bà S quay về chung sống với ông D nhưng không đạt kết quả. Bà V cũng khẳng định ông D đi làm ở Khu công nghiệp Đồng Văn nên hàng ngày đều về nhà. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án đối với ông D, ngay sau mỗi lần nhận bà đều giao trực tiếp cho ông D. Tuy nhiên, ông D có đến Tòa án làm việc hay không thì bà không nắm được.

Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương phường Tượng Lĩnh, thị xã Kim Bảng và được chính quyền địa phương cung cấp: Ông Phạm Văn D là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam, hiện nay ông D đang làm bảo vệ tại Khu công nghiệp Đồng Văn sáng đi, tối về nhà nên thường xuyên có mặt tại địa phương, ông D ở cùng với mẹ đẻ là bà Trần Thị V. Theo địa phương được biết, việc mâu thuẫn vợ chồng ông D, bà S đã xảy ra từ khoảng đầu năm 2016 do nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và ông bà đã li thân nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn ông D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà S xác định bà và ông D có 02 con chung là Phạm Ngọc H, sinh năm 1996 và Phạm Thị Bích Ng, sinh năm 2001, hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi và có cuộc sống tự lập nên bà không đề nghị giải quyết.

Về con riêng: Bà S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Bà S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S, xử cho ly hôn giữa bà Trần Thị S và ông Phạm Văn D. Về con chung, con riêng, tài sản, công nợ, công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là ông Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Phạm Văn D là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/3/1994 tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau trong việc làm ăn kinh tế và hay nghi ngờ nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn ông D; còn ông D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương và người thân của ông D thì mâu thuẫn vợ chồng bà S, ông D xảy ra là

thực tế, ông bà li thân nhau đã lâu, khả năng hàn gắn tình cảm để ông bà đoàn tụ là rất khó. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa bà S và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho bà S được ly hôn ông D là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Bà S và ông D có 02 con chung là Phạm Ngọc H, sinh năm 1996 và Phạm Thị Bích Ng, sinh năm 2001. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được, bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về con riêng:* Bà S xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Bà S xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Bà S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa bà Trần Thị S và ông Phạm Văn D.

2. Án phí: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000210 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Bà S đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho bà S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Chi cục THADS thị xã Kim Bảng;
- UBND phường Tân Sơn (nơi cấp ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo